

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2018/DS - PT
Ngày 15 - 5 - 2018
V/v tranh chấp hui

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Minh Nguyệt

Các Thẩm phán:

Ông Lê Thanh Hùng

Bà Cao Thị Túy Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Yến Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Phan Thanh Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2018/TLPT-DS ngày 22 tháng 3 năm 2018 về “Tranh chấp hui”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2018/DS-ST ngày 07 tháng 02 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 29/2018/QĐ-PT ngày 19 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Bích G, sinh năm 1970; địa chỉ: Ấp X, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (có mặt)

- *Bị đơn:* 1. Ông Võ Văn K, sinh năm 1982 (có mặt)

2. Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1983 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp X, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Huỳnh Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 11 năm 2017, tại lời khai và phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích G trình bày:

Bà G có tham gia chơi hui do ông K và bà T làm chủ hui, loại hui 3.000.000 đồng, mở ngày 09/6/2016 âm lịch, có 21 chung, 01 tháng khui một lần, ông K và bà T đã tuyên bố úp hui vào kỳ thứ 13 và bà G đã đóng 10 lần hui sống với số tiền thực tế là 25.950.000 đồng. Trong quá trình chơi hui, bà G có thiếu 4.000.000

đồng nên bà G yêu cầu ông K và bà T trả số tiền 21.950.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn Võ Văn K trình bày: Bà G có tham gia chơi hụi do ông và vợ ông (bà T) làm chủ hụi, loại hụi 3.000.000 đồng, mở ngày 09/6/2016 âm lịch, có 25 chung, 01 tháng khai một lần. Bà G đóng được 10 lần với số tiền tính bình quân là 21.000.000 đồng. Hụi hiện nay còn đang mở, chưa úp hụi và bà G chưa hốt hụi nên ông K không đồng ý theo yêu cầu của bà G.

Bị đơn bà Huỳnh Thị T trình bày: Hiện đây hụi bà G tham gia đã úp hụi vào ký thứ 13, số tiền thực tế bà G đã đóng khoảng 8.300.000 đồng đến 8.400.000 đồng. Số tiền bà G nợ 4.000.000 đồng và bà T đồng ý đối trừ qua.

Từ những nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2018/DS-ST ngày 07 tháng 02 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

- Căn cứ Điều 92, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;
- Căn cứ các Điều 468, 471 của Bộ luật dân sự 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bích G;
2. Buộc ông Võ Văn K và bà Huỳnh Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Bích G số tiền hụi là 17.000.000 đồng.
3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:
 - Buộc ông Võ Văn K và bà Huỳnh Thị T phải chịu nộp án phí là 850.000 đồng.
 - Bà Nguyễn Thị Bích G phải chịu án phí trên yêu cầu không được chấp nhận là 300.000 đồng, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 750.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0010664 ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G và số tiền bà G còn được nhận lại là 450.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất, Luật Thi hành án trong giai đoạn thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 22/02/2018 bà Huỳnh Thị T kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm: Bà G có đóng hụi cho bà 10 lần, số tiền thực tế đóng chỉ có 8.300.000 đồng, nhưng bà G còn thiếu lại bà 4.000.000 đồng nên khấu trừ bà chỉ còn thiếu 4.300.000 đồng nhưng không được Tòa án sơ thẩm xem xét. Bà chỉ đồng ý trả số tiền 4.300.000 đồng cho bà G, bà không chấp nhận 17.000.000 đồng như Tòa án sơ thẩm xét xử.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Huỳnh Thị T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Các bên đương sự thống nhất bà Nguyễn Thị Bích G có tham gia dây hụi 3.000.000 đồng vào ngày 09/6/2016 âm lịch, mỗi tháng khui 01 lần do ông Võ Văn K và bà Huỳnh Thị T làm chủ. Ông K thừa nhận bà G đã đóng hụi được 10 lần với số tiền là 21.000.000 đồng, còn bà T thừa nhận bà G chỉ đóng hụi được 8.300.000 đồng nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh. Do đó, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của bà T, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2018/DS-ST ngày 07/02/2018 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, qua ý kiến trình bày của các đương sự, đề xuất của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích G và đồng bị đơn ông Võ Văn K, bà Huỳnh Thị T cùng thống nhất trình bày về giao dịch hụi giữa các bên, cụ thể: Bà G có tham gia 01 dây hụi tháng, loại hụi 3.000.000 đồng, khui vào ngày 09/6/2016 âm lịch do vợ chồng ông K, bà T làm chủ hụi và bà G đã đóng được 10 lần hụi sống. Đây là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Tuy nhiên, bà G cho rằng bà đã đóng hụi 10 lần với số tiền 25.950.000 đồng. Ông K chỉ thừa nhận bà G đóng hụi 10 lần với số tiền 21.000.000 đồng nhưng hụi chưa úp, bà T cho rằng hụi đã úp nhưng bà G đóng hụi 10 lần với số tiền 8.300.000 đồng đến 8.400.000 đồng.

[4] Xét kháng cáo của bà Huỳnh Thị T cho rằng bà G có đóng hụi cho bà 10 lần, số tiền thực tế đóng chỉ có 8.300.000 đồng, nhưng bà G còn thiếu lại bà 4.000.000 đồng nên khấu trừ bà chỉ còn thiếu 4.300.000 đồng nhưng không được Tòa án sơ thẩm xem xét. Bà chỉ đồng ý trả số tiền 4.300.000 đồng cho bà G, bà không chấp nhận 17.000.000 đồng như Tòa án sơ thẩm xét xử. Hội đồng xét xử xét thấy:

[5] Giao dịch hụi giữa bà G và vợ chồng ông K, bà T là có diễn ra trên thực tế, được sự thống nhất thừa nhận của bà G, bà T và phù hợp với lời khai của người tham gia chơi dây hụi mở ngày 09/6/2016 (bức lụ 45) là bà Nguyễn Thị H.

[6] Mặc dù tại phiên tòa phúc thẩm ông K không thừa nhận có hiểu biết việc giao dịch hụi của bà G với vợ chồng ông, nhưng ông K thừa nhận các lời khai ở cấp sơ thẩm là tự nguyện, không bị ép buộc, cưỡng bức khai báo. Theo lời khai của ông K tại Biên bản lấy lời khai ngày 01/12/2017 tại Tòa án nhân dân thị xã G (bức lụ 21) ông K thừa nhận bà G có tham gia chơi hụi, dây hụi mở ngày 09/6/2016 âm

lịch, do vợ chồng ông làm chủ hội, với số tiền thực tế bà G đóng là 21.000.000 đồng. Do đó, đủ căn cứ xác định ông K biết rõ giao dịch hội giữa bà G với vợ chồng ông.

[7] Mặt khác, tại tòa ông K và bà T đều thống nhất xác định tiền lợi nhuận thu được từ việc làm chủ hội được sử dụng phục vụ cho chi tiêu sinh hoạt chung của gia đình ông K, bà T. Do đó, cấp sơ thẩm buộc cả ông K và bà T cùng có trách nhiệm trả nợ cho bà G là phù hợp.

[8] Bà T kháng cáo cho rằng bà G chỉ đóng 8.300.000 đồng nhưng từ khi thụ lý đến ngày xét xử phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm bà T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh bà G chỉ đóng 8.300.000 đồng. Trong khi đó, ông K là chồng bà T xác định bà G đóng 10 lần với số tiền 21.000.000 đồng (bức lút 21). Đối với ý kiến của bà G cho rằng đã đóng hội với số tiền 25.950.000 đồng nhưng bà G không có tài liệu, chứng cứ chứng minh cho ý kiến của bà nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận số tiền bà G đóng hội theo sự thừa nhận của ông K là 21.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[9] Trong quá trình giải quyết vụ án, bà G thừa nhận có nợ ông K, bà T số tiền 4.000.000 đồng. Giữa hai bên thống nhất về số tiền bà G nợ vợ chồng ông K, bà T nên Tòa án cấp sơ thẩm đã đối trừ. Phần này không kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[10] Từ những phân tích nêu trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Thị T. Có căn cứ chấp nhận ý kiến đề xuất của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2018/DS-ST ngày 07/02/2018 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

[11] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Huỳnh Thị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

[12] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Thị T, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2018/DS-ST ngày 07/02/2018 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

Áp dụng Điều 92, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 468, 471 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bích G.

2. Buộc ông Võ Văn K và bà Huỳnh Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Bích G số tiền hui là 17.000.000 đồng.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch ông Võ Văn K và bà Huỳnh Thị T phải chịu là 850.000 đồng. Buộc ông Võ Văn K và bà Huỳnh Thị T phải nộp 850.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

Bà Nguyễn Thị Bích G phải chịu án phí trên yêu cầu không được chấp nhận là 300.000 đồng, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 750.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0010664 ngày 15 tháng 11 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G, tỉnh Bạc Liêu, bà G được nhận lại số 450.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Án phí dân sự phúc thẩm bà Huỳnh Thị T phải chịu 300.000 đồng. Bà T đã nộp tạm ứng số tiền 300.000 đồng theo biên lai số 0010856 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

4. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. HCM (01 bản);
- VKSND tỉnh Bạc Liêu (02 bản);
- TAND thị xã G (01 bản);
- CCTHADS thị xã G (01 bản);
- Đường sự (03 bản);
- Lưu HS, TDS (01 bản), Tổ HCTP (01 bản).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Châu Minh Nguyệt